

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671009 - Toán cao cấp

STC : 5(75,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Ngô Kiến	Thành	3671010107	09/03/1994	3,00	5,50	4,80	
2	Cù Phạm Huy	Đại	3671010119	14/10/1993	3,00	4,30	3,90	
3	Phạm Thị	Thanh	3671010121	29/04/1993	3,10	5,50	4,80	
4	Lâm Hoài	Thanh	3671010130	24/03/1992	2,40	5,50	4,60	
5	Đỗ Thị Hoài	Thu	3671010131	15/01/1994	1,20	1,50	1,40	
6	Phan Thị Huyền	Linh	3671010160	18/10/1994	2,50	,00	,80	
7	Lê Thị	Yến	3671010184	15/12/1993	1,70	3,30	2,80	
8	Dương Thị Ngọc	Phượng	3671010189	07/07/1993	2,20	5,80	4,70	
9	Nguyễn Lê Nhật	Vi	3671010201	03/07/1994	2,00	6,50	5,20	
10	Phạm Hứa Mỹ	Trinh	3671010202	23/12/1994	2,70	3,50	3,20	
11	Lê Trọng	Nghĩa	3671010249	27/08/1993	2,40	3,00	2,80	
12	Đặng Lê	Hoàng	3671010272	19/01/1994	3,00	4,00	3,70	
13	Đào Thị Bảo	Yến	3671010290	10/01/1994	2,50	4,30	3,80	
14	Dương Đặng Ngọc	Hiếu	3671010307	26/11/1994	,30	,00	,10	
15	Phạm Tấn	Đạt	3671010334	21/05/1994	5,40	5,50	5,50	
16	Nguyễn Loan	Thảo	3671010348	06/12/1994	2,80	3,50	3,30	
17	Phan Thị Bích	Vân	3671010360	21/05/1994	1,30	2,30	2,00	
18	Nguyễn Thị Huyền	Vi	3671010367	12/06/1994	4,80	4,50	4,60	
19	Nguyễn Lê	Minh	3671010369	25/10/1994	1,80	2,80	2,50	
20	Lý Thanh	Ngân	3671010373	31/12/1994	3,80	6,80	5,90	
21	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	3671010374	20/03/1993	2,80	3,80	3,50	
22	Phạm Thị Thu	Thảo	3671010384	03/02/1994	3,20	3,00	3,00	
23	Tào Kiến	Thành	3671010395	30/07/1994	4,30	4,30	4,30	
24	Võ Lê Mỹ	Nhi	3671010418	24/06/1994	3,70	3,00	3,20	
25	Nguyễn Thị Thanh	Nguyệt	3671010423	15/09/1994	6,40	,00	1,90	
26	Nguyễn Trọng	Thành	3671010426	23/09/1993	3,30	1,00	1,70	
27	Quách Đại	Phước	3671010431	25/04/1994	2,40	3,50	3,20	
28	Nguyễn Văn	Năng	3671010453	25/02/1992	2,80	4,30	3,80	
29	Trần Thị Ngọc	Yến	3671010467	22/05/1994	3,80	5,00	4,60	
30	Thái Thị Thanh	Hương	3671010490	24/12/1993	3,40	5,00	4,50	
31	Trần Quang	Danh	3671010521	01/06/1994	2,00	,50	1,00	
32	Đinh Thị Kiều	Viễn	3671010550	06/11/1994	2,40	3,30	3,00	
33	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	3671010562	06/09/1993	1,80	3,50	3,00	
34	Trần Kỳ	Huy	3671010578	09/07/1994	3,40	4,00	3,80	
35	Trần Lương	Tuấn	3671010583	20/04/1994	1,90	,00	,60	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Hồ Văn	Thủ	3671010587	07/09/1994	1,50	4,50	3,60	
37	Nguyễn Đức	Dinh	3671010595	07/07/1994	2,00	,00	,60	
38	Đoàn Trọng	Tài	3671010597	20/02/1994	1,00	,00	,30	
39	Đặng Duy	Phát	3671011128	03/01/1994	3,50	,00	1,10	
40	Trần Thị Kim	Yến	3671011191	29/06/1994	1,50	3,00	2,60	
41	Bùi Ngọc	Trí	3671011193	03/04/1993	1,80	3,80	3,20	
42	Dương Thị Ngọc	Huyền	3671011247	26/06/1994	,00	,00	,00	
43	Trần Công	Tâm	3671011250	05/10/1994	2,80	1,80	2,10	
44	Trừ Văn	Tuấn	3671011281	28/03/1994	5,30	4,00	4,40	
45	Lê Thị Thu	Nga	3671011477	18/03/1994	3,60	,00	1,10	
46	Nguyễn Thành	Trung	3671011515	17/08/1994	,00	,00	,00	
47	Dương Nguyễn Hồng	Đào	3671011556	07/12/1994	1,90	4,50	3,70	
48	Huỳnh Tấn	Phát	3671011566	29/10/1994	4,20	,00	1,20	
49	Nguyễn Thị Kim	Liên	3671011643	26/12/1994	2,70	2,80	2,80	
50	Phạm Văn	Thôi	3671011862	25/12/1993	2,00	2,50	2,40	
51	Huỳnh Đình Nhân	Vị	3671011912	30/10/1994	2,80	,00	,80	
52	Trần Thị Anh	Đào	3671012035	17/10/1994	,30	2,50	1,80	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)